

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 228/2024/HC-PT

Ngày: 11- 4- 2024

V/v: “*Khiếu kiện hủy Quyết định
hành chính trong quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Quang Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuyền

Bà Nguyễn Ngọc Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tuyền- Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, công khai trực tuyến (Điểm cầu trung tâm: Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, điểm cầu thành phần: Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình) vụ án hành chính thụ lý số 693/2023/TLPT-HC ngày 27 tháng 9 năm 2023 do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản hành chính sơ thẩm số 06/2023/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3243/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 03 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Chu Linh Q, sinh năm 1973. Địa chỉ: số nhà 250, đường T, phố B, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Chu Linh Q: ông Trương Đình T- Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Ninh Bình. Địa chỉ: số 46, đường Đ, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (Có mặt).

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình: Ông Phạm Quang N- Chủ tịch UBND tỉnh (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: số 3, đường Lê H Phong, phường Vân Giang, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình: Ông Đinh Văn T- Chủ tịch UBND thành phố N (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: số 33, đường L, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Địa chỉ: số 33, đường L, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố N: ông Đinh Văn Thứ- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N (Xin vắng mặt)

3.2. Ủy ban nhân dân phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Địa chỉ: đường N, phố Khánh Bình, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân phường N: ông Trần Trung Kiên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N. Là người đại diện theo pháp luật (Xin vắng mặt).

3.3. Ông Đào Thanh H, sinh năm 1964 và bà Mai Thị Q, sinh năm 1960; Địa chỉ: số nhà 266, đường T, phố B, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (Ông H vắng mặt, bà Q có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Mai Thị Q: ông Đào Thanh H, sinh năm 1964, theo văn bản ủy quyền ngày 18/8/2023 (Vắng mặt).

3.4. Ông Bùi Văn L, sinh năm 1958 và bà Phạm Thị Hương, sinh năm 1962; Địa chỉ: số nhà 186, đường T, phố B, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (Ông Lưu vắng mặt, bà Hương có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Hương: ông Bùi Văn L, sinh năm 1958, theo văn bản ủy quyền ngày 18/8/2023 (Vắng mặt).

3.5. Ông Đào Văn H, sinh năm 1957 và bà Lê Thị T, sinh năm 1962; Địa chỉ: số nhà 210, đường T, phố B, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (Ông Hùng có mặt, bà Thuý vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị T: Ông Đào Văn H, sinh năm 1957, theo văn bản ủy quyền ngày 18/8/2023 (Có mặt).

3.6. Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1964 và bà Lã Thị Hương T, sinh năm 1970; Địa chỉ: số nhà 258, đường T, phố B, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (Ông Hỷ có mặt, bà Thu vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lã Thị Hương T: ông Đỗ Văn H, sinh năm 1964, theo văn bản ủy quyền ngày 18/8/2023 (Có mặt).

3.7. Ông Hoàng H N, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963; Địa chỉ: số nhà 204, đường T, phố B, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (Ông N có mặt, bà H vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H: ông Hoàng H N, sinh năm 1962, theo văn bản ủy quyền ngày 18/8/2023 (Có mặt).

3.8. Ông Hoàng Minh L, sinh năm 1943 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1946; Địa chỉ: số nhà 160, đường T, phố B, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. (Ông L vắng mặt, bà Dương vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị D: ông Hoàng Minh L, sinh năm 1943, theo văn bản ủy quyền ngày 18/8/2023 (Vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hoàng Minh L: Ông Nguyễn Quốc V- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Bình (Có mặt).

3.9. Ông Hoàng Tiến D, sinh năm 1953. Địa chỉ: số nhà 194, đường T, phố B, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (Có mặt).

3.10. Chị Hoàng Thị T1, sinh năm 1979. Địa chỉ: số nhà 11 ngách 8/261 phố Bình Yên Tây, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt).

3.11. Chị Hoàng Thị Thu H, sinh năm 1984. Địa chỉ: số nhà 23, ngõ 70, đường Lê Thái Tổ, phố Bình Khang, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt).

3.12. Chị Hoàng Thị T2, sinh năm 1981. Địa chỉ: số nhà 31, tổ 8, phường Bắc Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của chị Hoàng Thị T1, chị Hoàng Thị Thu H, chị Hoàng Thị T2: ông Hoàng Tiến D, sinh năm 1953, theo văn bản ủy quyền ngày 17 và 18/8/2023 (Có mặt).

3.13. Ông Hoàng Trí T, sinh năm 1973 và bà Phạm Thị Hoa, sinh năm 1976; Địa chỉ: số nhà 276, đường T, phố B, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (Ông Thức, bà Hoa đều vắng mặt).

3.14. Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1955 và bà Trịnh Thị M, sinh năm 1960; Địa chỉ: số nhà 212, đường T, phố B, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (Ông H có mặt, bà M vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trịnh Thị M: ông Hoàng Văn H, sinh năm 1955 theo văn bản ủy quyền ngày 18/8/2023 (Có mặt).

3.15. Ông Hoàng Xuân N, sinh năm 1963 và bà Đỗ Thị Thu H, sinh năm 1968; Địa chỉ: số nhà 256, đường T, phố B, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (Ông Nghiêm vắng mặt, bà Hương vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Đỗ Thị Thu H: ông Hoàng Xuân N, sinh năm 1963. Địa chỉ: số nhà 256, đường T, phố B, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 18/8/2023). (Có mặt)

3.16. Ông Lê H T (đã chết) và bà Lã Thị K, sinh năm 1963. Địa chỉ: số nhà 222, đường T, phố B, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (Bà Kim có mặt)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê H T: bà Lã Thị K, sinh năm 1963; chị Lê Thị Hoàng L, sinh năm 1986; chị Lê Thị H Duyên, sinh năm 1991. Cùng địa chỉ: số nhà 222, đường T, phố B, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (Bà Kim có mặt; chị Linh, chị Duyên đều vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị Hoàng L, chị Lê Thị H Duyên: bà Lã Thị K, sinh năm 1963, theo văn bản ủy quyền ngày 05/9/2023 (Có mặt).

3.17. Ông Lê Xuân Đ, sinh năm 1952 và bà Đinh Thị H, sinh năm 1957; Địa chỉ: số nhà 162, đường T, phố B, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (Ông Đ có mặt, bà H vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đinh Thị H: ông Lê Xuân Đ, sinh năm 1952, theo văn bản ủy quyền ngày 18/8/2023 (Có mặt).

3.18. Ông Phạm Thế B, sinh năm 1959 và bà Bùi Thị Y, sinh năm 1964; Địa chỉ: số nhà 176, đường T, phố B, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (Ông Ban vắng mặt, bà Yên có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị Y: ông Phạm Thế B, sinh năm 1959, theo văn bản ủy quyền ngày 18/8/2023 (Vắng mặt).

3.19. Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1956. Địa chỉ: số nhà 190, đường T, phố B, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị H: anh Phạm Hùng C, sinh năm 1981, theo văn bản ủy quyền ngày 19/8/2023 (Vắng mặt).

3.20. Anh Phạm Hùng C, sinh năm 1981. Địa chỉ: số nhà 190, đường T, phố B, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt)

3.21. Chị Phạm Thị Bích V, sinh năm 1979. Địa chỉ: số nhà 06 phố V, phường N2, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt).

3.22. Anh Phạm Minh H, sinh năm 1988. Địa chỉ: số nhà 190, đường T, phố B, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của chị Phạm Thị Bích V, anh Phạm Minh H: anh Phạm Hùng C, sinh năm 1981, theo văn bản ủy quyền ngày 11/9/2023 (Vắng mặt).

3.23. Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1969 và ông Hoàng Xuân Q, sinh năm 1967; Địa chỉ: số nhà 216, đường T, phố B, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (Bà N có mặt; ông Q vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Xuân Q: bà Hoàng Thị N, sinh năm 1969, theo văn bản ủy quyền ngày 18/8/2023 (Có mặt).

3.24. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1964 và ông Đào Văn L, sinh năm 1963; Địa chỉ: số nhà 278, đường T, phố B, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (Bà V vắng mặt, ông L vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đào Văn L: bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1964, theo văn bản ủy quyền ngày 18/8/2023 (Vắng mặt)

3.25. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1938; Địa chỉ: số nhà 268, đường T, phố B, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị N: Bà Đoàn Thị H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Bình (Có mặt).

3.26. Ông Đào Ngọc C, sinh năm 1962. Địa chỉ: số nhà 268, đường T, phố B, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (Có mặt).

3.27. Bà Đào Thị M, sinh năm 1954; Địa chỉ: số nhà 02, ngõ 01, đường V, phố B, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt).

3.28. Bà Đào Thị N, sinh năm 1966; Địa chỉ: đường V, phố B, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền bà Đào Thị M, bà Đào Thị N: ông Đào Ngọc C, sinh năm 1962, theo văn bản ủy quyền ngày 17/8/2023 (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của: ông Đào Thanh H, ông Bùi Văn L, ông Đào Văn H, ông Đỗ Văn H, ông Hoàng H N, ông Hoàng Tiến D, ông Hoàng Trí T, ông Hoàng Văn H, ông Hoàng Xuân N, bà Lã Thị K, ông Lê Xuân Đ, ông Phạm Thế B, bà Hoàng Thị H, bà Hoàng Thị N, bà Nguyễn Thị V: ông Trương Đình T- Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Tràng An, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Ninh Bình (Có mặt).

3.29. Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1976. Địa chỉ: số nhà 250, đường T, phố B, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Thu H: ông Chu Linh Q, sinh năm 1973, theo văn bản ủy quyền ngày 18/8/2023 (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 05/5/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Chu Linh Q là người khởi kiện, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Thu H trình bày:

Ông Chu Linh Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề sau:

- Hủy Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 28/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N về việc giải quyết khiếu nại của ông Chu Linh Q; đồng thời là người đại diện theo ủy quyền cho 20 công dân phố B, phường N, thành phố N (Sau đây viết tắt là Quyết định số 789).

- Hủy Quyết định số 796/QĐ-UBND ngày 12/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc giải quyết khiếu nại của ông Chu Linh Q và 17 công dân phố B, phường N ủy quyền cho ông Chu Linh Q khiếu nại (lần hai)” (Sau đây viết tắt là Quyết định số 796).

- Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N giải quyết lại khiếu nại theo hướng chấp nhận khiếu nại, thu hồi Văn bản số 1928/UBND-TNMT ngày 31/8/2021 của Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố N; đồng thời công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ), không thu tiền sử dụng đất đối với phần diện tích đất lưu không Quốc lộ 1A còn lại sau khi mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 1A cho các ông bà theo tinh thần Thông báo số 605-TB/BCĐ ngày 17/4/2010 của Ban chỉ đạo giải phóng mặt bằng thành phố N và Thông báo số 88/TB-UBND ngày 26/4/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố N.

Lý do khởi kiện:

Ngày 22/10/2020, ông Q có Đơn khiếu nại (do các hộ dân ủy quyền) và các ngày 12/01/2021, ngày 22/7/2021, ông đại diện cho 17 công dân phố B đã có đơn đề nghị gửi đến Chủ tịch UBND thành phố N với cùng nội dung: đề nghị UBND thành phố N hỗ trợ khoản chi phí do các hộ dân đã đầu tư để bồi trúc, xây dựng, trồng trọt trên diện tích đất lưu không mà năm 2008 các ông bà đã phải tháo dỡ để phục vụ công tác làm vỉa hè của thành phố và đề nghị được cấp GCNQSDĐ (không thu tiền sử dụng đất) đối với phần diện tích đất lưu không Quốc lộ 1A còn lại sau khi mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 1A theo Thông báo kết luận hội nghị số 605-TB/BCĐ ngày 17/4/2010 của Ban chỉ đạo giải phóng mặt bằng thành phố N (sau đây viết tắt là Thông báo số 605), Thông báo số 88/TB-UBND ngày 26/4/2010 của UBND thành phố N về một số nội dung chính sách liên quan đến bồi thường giải phóng mặt bằng để cải tạo nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua phường N, thành phố N (sau đây viết tắt là Thông báo số 88).

Ngày 31/8/2021, UBND thành phố N đã ban hành Công văn số 1928/UBND-TNMT về việc trả lời nội dung đề nghị của ông Chu Linh Q, ông Hoàng Minh L, ông Hoàng Anh Quý đại diện các hộ phố B và phố Bình Hòa, phường N, thành phố N (sau đây viết tắt là Công văn số 1928) có nội dung chính là: UBND thành phố N cho rằng căn cứ Thông báo số 16/TB-UBND ngày 30/5/2008 của UBND tỉnh Ninh Bình (sau đây viết tắt là Thông báo số 16) đã quy định không bồi thường đất bồi trúc nên UBND thành phố N không bồi thường công bồi trúc phần đất lưu không Quốc lộ 1A đoạn qua N. Về nội dung đề nghị cấp GCNQSDĐ lưu không không thu tiền sử dụng đất tại thời điểm giải phóng mặt bằng vì quy định đất đai đã thay đổi nên phải thực hiện Điều 22 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014

của Chính phủ. Do đó nội dung đề nghị của các hộ dân B, Bình Hòa, phường N không có cơ sở giải quyết.

Do không nhất trí với toàn bộ nội dung văn bản trên, ngày 25/11/2021 các ông bà đã khiếu nại Công văn số 1928 của UBND thành phố N gửi đến Chủ tịch UBND thành phố N đề nghị xem xét, giải quyết. Đến ngày 05/5/2022, ông Q mới nhận được Quyết định số 789. Do không nhất trí với toàn bộ quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND thành phố N, ngày 01/6/2022 ông Q (được các hộ dân ủy quyền) tiếp tục làm đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình đề nghị xem xét, giải quyết. Ngày 12/9/2022, Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình ban hành Quyết định số 796 với nội dung: bác nội dung khiếu nại của các ông bà gồm 18 công dân phố B, phường N, thành phố N. Quyết định số 796 là trái quy định pháp luật. Bởi lẽ: trong số những nội dung khiếu nại của 18 công dân phố B khiếu nại là đúng và đã được Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình thừa nhận tại Mục III Kết quả xác minh nội dung khiếu nại của Quyết định số 796. Về thời gian thụ lý đơn khiếu nại ngày 06/01/2022 của Chủ tịch UBND thành phố N, Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình đã kết luận: kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại của công dân (ngày 06/01/2022) đến khi Chủ tịch UBND thành phố N ban hành Thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu (ngày 21/01/2022) là 11 ngày làm việc, chậm 01 ngày so với thời gian quy định tại Điều 27 của Luật Khiếu nại năm 2011, khoản 1 Điều 16 của Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ. Về thời gian gửi Quyết định số 789, Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình cũng kết luận: sau 24 ngày làm việc (trừ các ngày nghỉ theo quy định), kể từ ngày ban hành Quyết định số 789, Chủ tịch UBND thành phố N mới gửi Quyết định giải quyết khiếu nại cho công dân, chậm 21 ngày làm việc so với thời gian quy định tại Điều 32 của Luật Khiếu nại năm 2011. Tuy nhiên, đến khi ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần hai, Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình ra quyết định bác toàn bộ nội dung khiếu nại của 18 công dân phố B ủy quyền cho ông Chu Linh Q khiếu nại. Điều này là hoàn toàn trái quy định pháp luật.

Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình giải quyết khiếu nại không đúng quy định pháp luật, cụ thể:

Thứ nhất, từ năm 2010 đến nay, sau khi được biết đến Thông báo số 605 và Thông báo số 88, nhân dân phố B nhiều lần làm đơn đề nghị các cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ phần diện tích đất lưu không đường Quốc lộ 1A còn lại. Do đó, việc Chủ tịch UBND thành phố N trả lời tại quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu là chỉ có 12 trường hợp sử dụng đất lưu không đường đề nghị cấp GCNQSDĐ không thu tiền sử dụng đất là hoàn toàn phi lý. Khi ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần hai, Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình không xem xét đến các tài liệu,

chứng cứ các ông bà cung cấp (Đơn đề nghị ngày 18/10/2010 của nhân dân phố B) mà vẫn đồng quan điểm với Chủ tịch UBND thành phố N kết luận: tại khu vực phường N chỉ có 12 hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất thuộc hành lang an toàn Quốc lộ 1A đã đề nghị cấp giấy chứng nhận và đã được UBND thành phố N công nhận, cấp giấy chứng nhận mà không thu tiền sử dụng đất là không đúng sự thật.

Thứ hai, tại Mục 4 Thông báo số 88 của UBND thành phố N thể hiện: “...giao UBND phường N tổng hợp trên toàn tuyến, hoàn chỉnh thủ tục, hồ sơ trình UBND thành phố cấp GCNQSDĐ cho các hộ sử dụng (không thu tiền sử dụng đất)”. Theo đó, tại thời điểm có Thông báo trên, UBND phường N phải có trách nhiệm tổng hợp các hộ dân trên toàn tuyến, sau đó hoàn chỉnh thủ tục, hồ sơ, trình UBND thành phố cấp GCNQSDĐ cho các hộ dân (không thu tiền sử dụng đất); các ông bà không phải có đơn đề nghị thì mới được xem xét, cấp GCNQSDĐ (không thu tiền sử dụng đất). Tuy nhiên, UBND phường N không tổng hợp, kê khai danh sách, không thông báo bằng văn bản hay trên hệ thống thông tin công cộng cho các hộ dân để lập hồ sơ trình UBND thành phố cấp GCNQSDĐ (không thu tiền sử dụng đất) theo Thông báo trên của UBND thành phố, gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các ông bà. Khi ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, Chủ tịch UBND thành phố N đổ lỗi cho người dân là không đề nghị cấp GCNQSDĐ không thu tiền sử dụng đất nên không được xem xét, giải quyết. Điều này là trái với tinh thần, chủ trương, chỉ đạo mà Chủ tịch UBND thành phố N đưa ra tại Thông báo số 88. Đến khi ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần hai, Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình cũng có quan điểm do các hộ dân không đề nghị cấp GCNQSDĐ không thu tiền sử dụng đất nên không được xem xét, giải quyết của Chủ tịch UBND thành phố N.

Thứ ba, theo khoản 1 Điều 156 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, năm 2008 các ông bà đã tự nguyện phá bỏ cây cối, tháo dỡ công trình xây dựng trên đất lưu không để trả mặt bằng cho thành phố làm đường, làm vỉa hè. Tuy nhiên, do thành phố làm đường, làm vỉa hè không sử dụng hết phần diện tích đất lưu không đó nên các ông bà vẫn tiếp tục sử dụng đất phần diện tích đất lưu không còn lại. Do vậy, hành vi sử dụng phần diện tích đất lưu không mà Nhà nước chưa quản lý của các ông bà diễn ra tại thời điểm Luật Đất đai 2003 đang có hiệu lực thi hành. Do đó, theo quy định trên thì văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng khi thực hiện việc cấp GCNQSDĐ đối với phần diện tích đất lưu không Quốc lộ 1A còn lại sau khi mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 1A hiện nay vẫn phải được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai 2003 và các văn bản có liên quan, chứ không phải thực hiện như theo quy định của Luật Đất đai 2013 và các văn bản có liên quan. Chủ tịch UBND thành phố N nêu ra tại quyết định giải quyết khiếu nại trên. Theo

khoản 3 Điều 48 của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ thì các hộ dân đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ (không thu tiền sử dụng đất) đối với phần đất lưu không mà Nhà nước chưa quản lý đó (hay phần diện tích còn lại ngoài mốc chỉ giới làm vỉa hè). Thông báo số 88 của UBND thành phố N được ban hành dựa trên cơ sở Luật Đất đai năm 2003. Do đó, các nội dung trong Thông báo trên vẫn là cơ sở để hiện nay UBND thành phố N thực hiện việc cấp GCNQSDĐ (không thu tiền sử dụng đất) đối với phần diện tích đất lưu không Quốc lộ 1A còn lại sau khi mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 1A cho các hộ dân. Vì vậy, việc Chủ tịch UBND thành phố N ban hành Quyết định số 789 cho rằng việc cấp GCNQSDĐ (không thu tiền sử dụng đất) đối với phần diện tích đất lưu không Quốc lộ 1A còn lại sau khi mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 1A cho các hộ dân phải thực hiện theo quy định của Luật Đất đai 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ là trái nguyên tắc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật. Mặt khác, theo như cách lập luận của Chủ tịch UBND thành phố N tại Quyết định số 789: đến năm 2014 các quy định của pháp luật về đất đai đã thay đổi, Thông báo số 88 của UBND thành phố N có một phần nội dung không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.... Tại thời điểm Luật Đất đai 2013 có hiệu lực thi hành, UBND thành phố N đã phải ban hành ngay văn bản sửa đổi những nội dung không còn phù hợp của Thông báo số 88 của UBND thành phố N, không phải để đến khi các ông bà căn cứ vào Thông báo số 605 của Ban chỉ đạo giải phóng mặt bằng (sau đây viết tắt là GPMB) thành phố N và Thông báo số 88 của UBND thành phố N để đề nghị UBND thành phố N cấp GCNQSDĐ (không thu tiền sử dụng đất) đối với phần diện tích đất lưu không Quốc lộ 1A còn lại sau khi mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 1A thì UBND thành phố N mới ban hành Thông báo để sửa đổi Thông báo số 88 của UBND thành phố N.

UBND thành phố N ban hành Thông báo số 1213/TB-UBND ngày 31/12/2021 về việc sửa đổi khoản 4 Thông báo số 88 của UBND thành phố N (sau đây viết tắt là Thông báo số 1213). Để hợp lý hóa việc ban hành Thông báo sửa đổi trên được ban hành trước khi các ông bà có đơn khiếu nại, cán bộ UBND thành phố N đã hướng dẫn các ông bà viết lại đơn khiếu nại đề ngày 06/01/2022, trong khi đó đơn khiếu nại ngày 25/11/2021 của các ông bà chưa được Chủ tịch UBND thành phố N giải quyết, không có bất cứ thông báo nào về việc trả lại đơn ngày 25/11/2021. Tuy nhiên, khi ban hành Quyết định số 796 Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình không có ý kiến gì về vấn đề này, cho rằng Thông báo số 1213 của UBND thành phố N là phù hợp với pháp luật đất đai hiện hành là hoàn toàn trái quy định

pháp luật, gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các ông bà.

Riêng đối với gia đình ông Chu Linh Q: phần đất lưu không hành lang giao thông QL 1A trước cửa nhà ông, gia đình ông đã đổ đất, sửa sang và tôn tạo từ năm 1998. Năm 2008, khi địa phương có chủ trương mở rộng vỉa hè để chuẩn bị lên thành phố, gia đình ông đã tháo dỡ, chặt các cây cối, lều quán trước nhà để giải phóng mặt bằng, giao cho bên thi công đúng tiến độ. Do tin tưởng thành phố thực hiện đúng như nội dung thông báo cho dân là sẽ đền bù và vào bìa đỏ của gia đình phần đất lưu không trước cửa nhà sau khi làm vỉa hè còn lại (cụ thể: chiều mặt đường dài 10m, chiều rộng 4m). Tuy nhiên, sau khi giải tỏa, bàn giao mặt bằng từ năm 2008 đến nay, gia đình ông không được đền bù, không được vào bìa đỏ phần diện tích đất lưu không trước nhà.

Tại Công văn số 28/UBND-VP10 ngày 24/7/2023, người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình có ý kiến như sau:

Việc giải quyết của UBND thành phố N, Chủ tịch UBND thành phố N: ông Chu Linh Q, ông Hoàng Anh Quý, ông Hoàng Minh L đại diện các hộ dân phố Bình Hoà, phố B, phường N, thành phố N có đơn đề nghị gửi đến UBND thành phố N, nội dung đề nghị (được ghi nhận tại buổi làm việc giữa Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N với công dân), gồm 02 nội dung: đề nghị bồi thường cho các hộ khối lượng, vật liệu bồi trúc san lấp trên diện tích đất lưu không Nhà nước đã mở rộng đường Quốc lộ 1A và xây dựng vỉa hè năm 2008. Phần diện tích đất lưu không đường Quốc lộ 1A còn lại khi thực hiện Dự án mở rộng Quốc lộ 1A, đề nghị cấp GCNQSDĐ cho các hộ không thu tiền sử dụng đất theo chủ trương của thành phố tại thời điểm giải phóng mặt bằng năm 2008.

Ngày 31/8/2021, UBND thành phố N ban hành Văn bản số 1928/UBND-TNMT trả lời nội dung đề nghị của ông Chu Linh Q, ông Hoàng Anh Quý, ông Hoàng Minh L đại diện các hộ dân phố B, phố Bình Hòa, theo đó UBND thành phố N trả lời về 02 nội dung đề nghị của công dân là không có cơ sở để xem xét giải quyết. Ông Chu Linh Q (đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền cho một số công dân phố B) tiếp tục có đơn gửi UBND thành phố N với nội dung: khiếu nại Văn bản số 1928 của UBND thành phố N. Ngày 28/3/2022, Chủ tịch UBND thành phố N đã ban hành Quyết định số 789, trong đó đã quyết định giữ nguyên Văn bản số 1928 của UBND thành phố N, bác đơn khiếu nại ghi ngày 06/01/2022 của ông Chu Linh Q, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền cho 20 công dân phố B.

Việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình: không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố N, ông Chu

Linh Q có đơn gửi đến Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình với nội dung khiếu nại Quyết định số 789 của Chủ tịch UBND thành phố N. Ngày 23/6/2022, Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình đã ban hành Thông báo số 48/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần hai đối với đơn khiếu nại của ông Chu Linh Q. Thực hiện nhiệm vụ do Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình giao, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Bình đã thành lập Tổ xác minh nội dung khiếu nại. Quá trình xác minh nội dung khiếu nại, Tổ xác minh đã kiểm tra, xác minh, làm rõ các nội dung có liên đến khiếu nại của ông Chu Linh Q, như: nội dung khiếu nại cụ thể của công dân, số lượng công dân uỷ quyền cho ông Chu Linh Q khiếu nại (có 20 công dân uỷ quyền cho ông Chu Linh Q khiếu nại lần hai, trong đó có 03/20 công dân uỷ quyền khiếu nại không hợp lệ), vị trí đất các hộ dân có đơn khiếu nại, nội dung các Thông báo của UBND thành phố N có liên quan đến việc khiếu nại của công dân về một số nội dung chính sách liên quan đến bồi thường GPMB để cải tạo, nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua phường N; việc áp dụng thực hiện các quy định của Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ trong việc công nhận và cấp GCNQSDĐ đối với phần diện tích đất còn lại sau khi thực hiện Dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 1A và xây dựng vỉa hè (sau đây viết tắt là Dự án)... Sau khi xem xét Báo cáo kết quả xác minh, Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình đã ban hành Quyết định số 796, trong đó nêu rõ: hiện nay việc công nhận và cấp giấy chứng nhận đối với phần diện tích đất còn lại sau khi thực hiện Dự án được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Việc khiếu nại của ông Chu Linh Q và 17 công dân uỷ quyền cho ông Chu Linh Q khiếu nại với nội dung đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với phần diện tích đất lưu không Quốc lộ 1A (đất thuộc hành lang an toàn Quốc lộ 1A) còn lại sau khi thực hiện Dự án năm 2008 mà không thu tiền sử dụng đất theo Thông báo số 605 của Ban Chỉ đạo GPMB thành phố N và Thông báo số 88 của UBND thành phố N là không có cơ sở xem xét giải quyết, không phù hợp với pháp luật đất đai hiện hành. Từ nhận định và căn cứ trên, Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình quyết định: bác nội dung khiếu nại của ông Chu Linh Q và 17 công dân uỷ quyền cho ông Chu Linh Q khiếu nại Quyết định số 789.

Do đó Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình có quan điểm như sau: nội dung Quyết định số 796 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình là đúng quy định của pháp luật. Nội dung khởi kiện của ông Chu Linh Q về việc yêu cầu Tòa án huỷ Quyết định số 796 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình là không có căn cứ pháp lý.

Tại Công văn số 1708 ngày 17/7/2023, Công văn số 2125 ngày 22/8/2023, người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố N có ý kiến như sau:

Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 789: căn cứ khoản 8 Điều 29, Điều 57 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, căn cứ khoản 1 Điều 18 của Luật Khiếu nại năm 2011, việc Chủ tịch UBND thành phố N ban hành Quyết định số 789 là đúng quy định.

Về trình tự thủ tục ban hành Quyết định số 789: UBND thành phố N nhận được đơn khiếu nại ghi ngày 06/01/2022 của ông Chu Linh Q, đồng thời là đại diện theo ủy quyền cho 20 công dân phố B nội dung: khiếu nại văn bản số 1928 của UBND thành phố N. Theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011 và Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ, sau khi xem xét nội dung đơn, UBND thành phố đã giải quyết theo trình tự thủ tục: ngày 21/01/2022 UBND thành phố N đã ban hành Thông báo số 27/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu đồng thời ban hành Quyết định số 197/QĐ- UBND giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại của ông Chu Linh Q. Ngày 24/3/2022 UBND thành phố N đã tổ chức hội nghị đối thoại với ông Chu Linh Q theo quy định. Tại buổi đối thoại ông Chu Linh Q không nhất trí với kết quả xác minh của Đoàn xác minh. Ngày 28/3/2022 Chủ tịch UBND thành phố N ban hành Quyết định số 789 là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung của Quyết định số 789, Chủ tịch UBND thành phố N đã căn cứ: Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Khiếu nại năm 2011, Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ, Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Việc Chủ tịch UBND thành phố N ban hành Quyết định số 789 là đúng thẩm quyền, nội dung và trình tự thủ tục theo quy định. Mặt khác Quyết định số 789 của Chủ tịch UBND thành phố N đã được Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình giải quyết khiếu nại lần 2 và đã ban hành Quyết định số 796. Tại quyết định giải quyết lần 2 đã công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 789 của Chủ tịch UBND thành phố N và bác nội dung khiếu nại của ông Chu Linh Q. Chủ tịch UBND thành phố N đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Công văn số 1886/UBND-TTr ngày 02/8/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND thành phố N có ý kiến như sau:

Thực hiện Quyết định số 796 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình, UBND thành phố đã ban hành Văn bản số 2159/UBND-TTr ngày 26/9/2022 về việc thực hiện các kiến nghị nêu tại Quyết định giải quyết khiếu nại. Đến nay việc kiểm điểm đã thực hiện xong; việc xử lý đối với 12 trường hợp đã được cấp GCNQSDĐ, UBND thành phố đã giao cho các phòng ban chuyên môn, UBND phường N thực

hiện theo trình tự thủ tục quy định. UBND thành phố N đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Công văn số 50/UBND ngày 08/8/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND phường N có ý kiến như sau: trên cơ sở nguồn gốc đất qua các thời kỳ và hồ sơ giấy tờ có liên quan, UBND phường N đề nghị Tòa án xem xét, quyết định.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Đào Thanh H, ông Bùi Văn L, ông Đào Văn H, ông Đỗ Văn H, ông Đào H Nguyên, ông Hoàng Minh L, ông Hoàng Tiến D, ông Hoàng Trí T, bà Phạm Thị Hoa, ông Hoàng Văn H, ông Hoàng Xuân N, bà Lã Thị K, ông Lê Xuân Đ, ông Phạm Thế B, anh Phạm Hùng C, bà Hoàng Thị N, bà Nguyễn Thị V, ông Đào Ngọc C cùng trình bày:

Phần đất lưu không hành lang giao thông Quốc lộ 1A trước cửa nhà các gia đình đã đổ đất, sửa sang và tôn tạo. Năm 2008, khi địa phương có chủ trương mở rộng vỉa hè để chuẩn bị lên thành phố, các gia đình tháo dỡ, chặt các cây cối, lều quán trước nhà để giải phóng mặt bằng, giao cho bên thi công đúng tiến độ. Các gia đình đã dọn dẹp, bàn giao mặt bằng trước thời hạn cho phường, thành phố vì tin rằng thành phố thực hiện đúng như nội dung Thông báo cho dân là sẽ đền bù và vào bìa đỏ của gia đình phần đất lưu không trước cửa nhà sau khi làm vỉa hè còn lại có kích thước chiều mặt đường dài 4,1m, chiều rộng 10,5m (đối với gia đình ông Đào Thanh H); chiều mặt đường dài 4,1m, chiều rộng 3,6m, (đối với gia đình ông Bùi Văn L); cùng có kích thước chiều dài 10m, chiều rộng như sau: chiều rộng 6m (đối với gia đình ông Đào Văn H); chiều rộng 8m (đối với gia đình ông Đỗ Văn H); chiều rộng 6m (đối với gia đình ông Đào H Nguyên); chiều rộng 10,5m (đối với gia đình ông Hoàng Minh L); chiều rộng 8m (đối với gia đình ông Hoàng Tiến D); chiều rộng 4m (đối với gia đình ông Hoàng Trí T, bà Phạm Thị Hoa); chiều rộng 6m (đối với gia đình ông Hoàng Văn H); chiều rộng 4m (đối với gia đình ông Hoàng Xuân N); chiều rộng 7,2m (đối với gia đình bà Lã Thị K); chiều rộng 6,4m (đối với gia đình ông Lê Xuân Đ); chiều rộng 3,4m (đối với gia đình ông Phạm Thế B); chiều rộng 6m (đối với gia đình anh Phạm Hùng C; chiều rộng 7m (đối với gia đình bà Hoàng Thị N); chiều rộng 8m (đối với gia đình bà Nguyễn Thị V); chiều rộng 4,04m (đối với gia đình bà Phạm Thị N). Tuy nhiên, sau khi giải tỏa, bàn giao mặt bằng, từ năm 2008 đến nay, các gia đình không hề được đền bù, không được vào bìa đỏ phần diện tích đất lưu không trước nhà. Bên cạnh đó, một số gia đình khác cùng dãy phố lại được đền bù, được vào bìa đỏ phần đất lưu không.

Quan điểm của các ông, bà như sau: đề nghị Tòa án xét xử đúng pháp luật, buộc UBND thành phố N công nhận và cấp GCNQSDĐ (không thu tiền sử dụng đất) đối với phần diện tích đất lưu không Quốc lộ 1A còn lại sau khi mở rộng, nâng

cấp Quốc lộ 1A cho các gia đình đã khiếu nại theo tinh thần của Thông báo số 605 của Ban chỉ đạo GPMB thành phố N và Thông báo số 88 của UBND thành phố N.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án thông báo yêu cầu bà Nhi giao nộp tài liệu, chứng cứ và trình bày rõ quan điểm của bà Phạm Thị N đối với yêu cầu khởi kiện của ông Chu Linh Q, bà Nhi đã giao nộp Đơn yêu cầu luật sư tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Ông Phạm Văn Sỹ và bà Đỗ Thị Thuỳ Trang là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị N có quan điểm: đề nghị Tòa án xét xử vụ án đúng các quy định của pháp luật.

Tại Bản án số 06/2023/HC-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 3, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116; Điều 157; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính. Điều 22, Điều 28, Điều 29, Điều 56, Điều 57 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2019). Luật Đất đai năm 2003. Khoản 3 Điều 98, Điều 204 Luật Đất đai năm 2013. Các điều 13, 18, 21, 27, 28, 29, 30, 31, 36, 37, 38, 39, 40, 42 Luật Khiếu nại năm 2011. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020). Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ. Khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Chu Linh Q về yêu cầu: *đề nghị Toà án hủy Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 28/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N về việc giải quyết khiếu nại của ông Chu Linh Q; đồng thời là người đại diện theo ủy quyền cho 20 công dân phố B, phường N, thành phố N. Hủy Quyết định số 796/QĐ-UBND ngày 12/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc giải quyết khiếu nại của ông Chu Linh Q và 17 công dân phố B, phường N ủy quyền cho ông Chu Linh Q khiếu nại (lần hai). Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N giải quyết lại khiếu nại theo hướng chấp nhận khiếu nại, thu hồi Văn bản số 1928/UBND-TNMT ngày 31/8/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố N; đồng thời công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không thu tiền sử dụng đất đối với phần diện tích đất lưu không Quốc lộ 1A còn lại sau khi mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 1A cho các ông bà theo tinh thần Thông báo số 605-*

TB/BCĐ ngày 17/4/2010 của Ban chỉ đạo giải phóng mặt bằng thành phố N và Thông báo số 88/TB-UBND ngày 26/4/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố N.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/10/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình nhận được đơn kháng cáo của người khởi kiện là ông Chu Linh Q, kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Chu Linh Q là người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, không rút kháng cáo và thay đổi kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, vắng mặt người bị kiện nên các bên đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày kháng cáo, căn cứ kháng cáo, ý kiến tranh tụng đã đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Ông Nguyễn Quốc Vương và bà Đoàn Thị Hằng là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L, bà Nhi nhất trí ý kiến của ông Q và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q; đề nghị Tòa án xem xét bảo vệ quyền lợi của người dân.

Những người có quyền và nghĩa vụ liên quan có mặt nhất trí ý kiến của ông Q và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q

Người bị kiện là chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình và Chủ tịch UBND thành phố N vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm và có đơn xin vắng mặt.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:** - *Về tố tụng:* Hoạt động tiến hành tố tụng của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội cũng như của Hội đồng xét xử phúc thẩm (viết tắt: HĐXXPT), Thư ký đúng quy định của pháp luật; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Đơn kháng cáo của người khởi kiện làm trong hạn luật định là hợp lệ nên đủ điều kiện xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- *Về nội dung:* Đề nghị HĐXXPT áp dụng khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên quyết định của Bản án số 06/2023/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; nghe các bên đương sự trình bày, tranh luận; nghe đại diện VKSND cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, HĐXXPT nhận định như sau:

[1] Về kháng cáo của người khởi kiện: Ngày 16/10/2023, người khởi kiện nộp đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm, thực hiện trong thời hạn luật định là hợp lệ nên được Tòa án chấp nhận xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa, người khởi kiện kháng cáo thay đổi kháng cáo từ hủy bản án sơ thẩm sang sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, việc thay đổi kháng cáo đúng pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm có mặt người khởi kiện kháng cáo, có mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; có mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, vắng mặt người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và phiên tòa được mở lần 2 nên HĐXXPT quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 225 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[3] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[3.1] Quyết định số 789 và Quyết định số 796 có nội dung ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Chu Linh Q nên Quyết định số 789 và Quyết định số 796 nêu trên là quyết định hành chính, thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính được quy định tại khoản 2 Điều 3 của Luật Tổ tụng hành chính. Công văn số 1928 của UBND thành phố N là quyết định hành chính có liên quan đến Quyết định số 789 và Quyết định số 796 nên được xem xét giải quyết trong vụ án này. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 3, khoản 4 Điều 32 của Luật Tổ tụng hành chính thì khiếu kiện của ông Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

[3.2] Ngày 12/9/2022, Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình ban hành Quyết định số 796. Ngày 05/5/2023, ông Q đã làm đơn khởi kiện, trực tiếp nộp đơn khởi kiện vào ngày 02/6/2023, thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 42 của Luật Khiếu nại năm 2011 để yêu cầu hủy Quyết định số 789 và Quyết định số 796, là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

[4] Xét kháng cáo của ông Chu Linh Q:

[4.1] Đối với Quyết định số 789 và Quyết định số 796:

- Về thẩm quyền giải quyết khiếu nại: Do không đồng ý quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, ông Q gửi đơn khiếu nại đề ngày 01/6/2022 đến Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình khiếu nại Quyết định số 789 của Chủ tịch UBND thành phố N. Theo quy định tại khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 21 của Luật Khiếu nại thì Chủ tịch UBND thành phố N, Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình giải quyết đơn khiếu nại của ông Q là đúng thẩm quyền.

- Về hình thức của Quyết định số 789 và Quyết định số 796: Quyết định số 789 và Quyết định số 796 có nội dung trả lời khiếu nại của ông Chu Linh Q là Quyết định giải quyết khiếu nại là đúng quy định tại Điều 31, Điều 40 của Luật Khiếu nại, đúng Mẫu số 15-Quyết định về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và Mẫu số 16-Quyết định về việc giải quyết khiếu nại lần hai (Ban hành kèm theo Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ).

- Về trình tự thủ tục, thời hạn giải quyết khiếu nại:

Về thời hạn giải quyết khiếu nại: Ngày 21/01/2022, Chủ tịch UBND thành phố N đã thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu. Ngày 28/3/2022, Chủ tịch UBND thành phố N đã ban hành Quyết định số 789 là quá thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu theo quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại (quá 21 ngày). Ngày 23/6/2022, Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình đã thụ lý giải quyết khiếu nại lần hai. Ngày 12/9/2022, Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình đã ban hành Quyết định số 796 là quá thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai theo quy định tại Điều 37 của Luật Khiếu nại (quá 21 ngày).

Tuy nhiên, bản chất việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình, Chủ tịch UBND thành phố N là đúng quy định của pháp luật; sai sót nêu trên không dẫn đến việc hủy Quyết định số 789 và Quyết định số 796, Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình và Chủ tịch UBND thành phố N cần rút kinh nghiệm về vấn đề trên.

Về trình tự thủ tục: Ngày 21/01/2022, Chủ tịch UBND thành phố N đã thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu. Do kết quả đối thoại ngày 24/3/2022 không thành, ngày 28/3/2022 Chủ tịch UBND thành phố N đã ban hành Quyết định số 789 là đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại các điều 27, 29, 30, 31 của Luật Khiếu nại năm 2011. Do không đồng ý với Quyết định số 789, ông Q đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của 17 công dân đã làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình. Ngày 23/6/2022, Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình đã thụ lý giải quyết khiếu nại lần hai. Ngày 12/9/2022, Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình đã ban hành Quyết định số 796 là đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại các điều 36, 38, 39, 40 của Luật Khiếu nại năm 2011.

Do đó, việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố N và Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

[4.2] Về nội dung:

Tại đơn khiếu nại đề ngày 06/01/2022, ông Q với tư cách là người khiếu nại, đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của 19 người khiếu nại có đơn khiếu nại Công văn số 1928 của UBND thành phố N về việc bồi thường cho các hộ khối lượng, vật liệu bồi đắp san lấp trên diện tích đất lưu không Nhà nước đã mở rộng đường Quốc lộ 1A và xây dựng vỉa hè năm 2008. Phần diện tích đất lưu không đường Quốc lộ 1A các hộ gia đình đề nghị cấp GCNQSDĐ cho các hộ không thu tiền sử dụng đất theo chủ trương của thành phố tại thời điểm GPMB năm 2008.

Khu vực phố B, đường Trần Hưng Đạo (Quốc lộ 1A), vị trí đất hộ ông Chu Linh Q và các hộ dân phố B khiếu nại thuộc tờ số 9, số 10, Bản đồ địa chính phường N lập năm 2006, chỉnh lý năm 2010.

Vị trí đất Nhà nước giao cho các hộ dân có đơn khiếu nại làm nhà ở trước đây thuộc địa giới hành chính xã N, huyện Hoa Lư. Khi đó, vị trí các hộ được giao đất cách mép Quốc lộ 1A (theo Nghị định số 203-HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng về việc ban hành Điều lệ đường bộ) là 20m (Lưu không – Hành lang an toàn Quốc lộ 1A). Theo Bản đồ địa chính xã N lập năm 1997, vị trí đất của các hộ dân cách mép Quốc lộ 1A là 20m.

Dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 1A và xây dựng vỉa hè được triển khai thực hiện từ năm 2008. Nhà nước triển khai thực hiện Dự án do Bộ Giao thông vận tải làm chủ đầu tư, mặt đường mở rộng thêm khoảng 10m (về phía 02 bên), vỉa hè là 05m. Sau khi mở rộng mặt đường và vỉa hè về 02 bên, theo Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 28/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 24/4/2015 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu các khu vực 1-1-A, 1-3-A, 1-3-B, 1-3-C trong Quy hoạch chung đô thị Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đường Trần Hưng Đạo đoạn đi qua trước cửa các hộ gia đình, cá nhân đang có đơn khiếu nại có mặt cắt ngang đường là 33m. Do đó, khoảng cách từ mép ngoài của vỉa hè đến vị trí đất đã giao cho các hộ dân còn một khoảng chiều sâu dao động từ 7m đến 10m, thuộc diện tích đất do Nhà nước quản lý.

Phần diện tích nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A nằm trong phạm vi đất hành lang bảo vệ các công trình giao thông, thuộc đất lưu không do Nhà nước quản lý. Nhà nước *không thực hiện việc thu hồi đất*, chỉ tuyên truyền vận động nhân dân tự giác tháo dỡ phần tài sản, kiến trúc do các hộ tự ý xây dựng trên phần đất lưu không do Nhà nước quản lý. Khi thực hiện dự án, các hộ dân đang sử dụng đất lưu

không bám mặt đường Trần Hưng Đạo thuộc địa phận phường N đã nhất trí tự tháo dỡ phần tài sản, kiến trúc, bàn giao mặt bằng.

Ngày 17/4/2010, Ban Chỉ đạo GPMB thành phố N ban hành Thông báo số 605, trong đó tại mục 3 phần III của Thông báo có nội dung: đối với các hộ năm 2008 đã tự nguyện GPMB để làm vỉa hè, giao UBND thành phố chỉ đạo làm thủ tục hợp pháp hoá diện tích đất còn lại và cấp GCNQSDĐ (không thu tiền sử dụng đất) để các hộ sử dụng. Trên cơ sở Thông báo số 605 nêu trên, UBND thành phố N đã ban hành Thông báo số 88, trong đó tại mục 4 của Thông báo có nội dung: đối với các hộ gia đình có tài sản, vật kiến trúc trên phần đất lưu không Quốc lộ 1A, năm 2008 đã chấp hành tốt việc tự tháo dỡ bàn giao mặt bằng để thi công Quốc lộ 1A (bao gồm cả phần lòng đường và vỉa hè) thống nhất không xem xét lại việc hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc. Phần diện tích còn lại ngoài mốc chỉ giới làm vỉa hè, giao UBND phường N tổng hợp trên toàn tuyến, hoàn chỉnh thủ tục, hồ sơ trình UBND thành phố cấp GCNQSDĐ cho các hộ sử dụng (không thu tiền sử dụng đất).

Do khoản 4 của Thông báo số 88/TB-UBND ngày 26/4/2010 không phù hợp với pháp luật đất đai hiện hành khi công nhận, cấp giấy chứng nhận cho các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng phần đất còn lại sau khi thực hiện Dự án. Vì vậy, ngày 31/12/2021, UBND thành phố N đã ban hành Thông báo số 1213/TB-UBND về việc sửa đổi mục 4 Thông báo số 88/TB-UBND ngày 26/4/2010 của UBND thành phố N, với nội dung sửa đổi như sau: “ 4. Đối với các hộ gia đình có tài sản, vật kiến trúc trên phần đất lưu không Quốc lộ 1A đã chấp hành tốt việc tháo dỡ bàn giao mặt bằng để thi công Quốc lộ 1A (bao gồm cả phần lòng đường và vỉa hè) thống nhất không xem xét lại việc hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc. Phần diện tích còn lại ngoài mốc chỉ giới làm vỉa hè, giao UBND phường N rà soát, lập, hoàn thiện hồ sơ, tổng hợp báo cáo và trình UBND thành phố cấp GCNQSDĐ cho các hộ có sử dụng theo đúng quy định hiện hành”. Tại Thông báo số 16/TB-UBND ngày 30/5/2008, UBND tỉnh Ninh Bình đã nêu rõ “...không giải quyết tồn tại cũ bồi thường cho những hộ dân bị ảnh hưởng bởi Chỉ thị số 135, Nghị định số 136 của Chính phủ, không bồi thường đất bồi trức...”. Việc sửa đổi lại Thông báo số 88 là đúng pháp luật.

Luật sư Trương Đình T đề nghị Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 3 Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (kèm theo Quyết định số 46 ngày 19/7/2023 của UBND tỉnh Ninh Bình) cho các hộ dân có đơn khiếu nại, Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích rõ và không chấp nhận đề nghị của Luật sư là có căn cứ.

Về phần diện tích đất lưu không đường Quốc lộ 1A, các hộ gia đình đề nghị cấp GCNQSDĐ cho các hộ không thu tiền sử dụng đất theo chủ trương của thành phố tại thời điểm GPMB năm 2008.

Thông báo số 16 của UBND tỉnh Ninh Bình, Thông báo số 605 của Ban Chỉ đạo GPMB thành phố N, Thông báo số 88 và Thông báo số 1213 của UBND thành phố N là văn bản mang tính chất nội bộ của cơ quan, tổ chức mang tính chỉ đạo, điều hành việc triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch GPMB đối với các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, tổ chức; không phải văn bản quy phạm pháp luật.

Đất lưu không thuộc hành lang an toàn giao thông, ông Chu Linh Q và các hộ gia đình không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, không có giấy tờ tài liệu chứng cứ chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp nên không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ.

Luật sư Trương Đình T đề nghị Tòa án áp dụng khoản 3 Điều 48 của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ, Tuy nhiên, hộ ông Chu Linh Q và các hộ có khiếu nại không phù hợp về đối tượng, nội dung áp dụng theo đề nghị của Luật sư nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 98 của Luật Đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 22 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Tại Điều 2 của Quyết định số 796, Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình yêu cầu Chủ tịch UBND thành phố N kiểm tra, rà soát, xác định căn cứ, xử lý việc cấp giấy chứng nhận đối với 12 hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận không thu tiền sử dụng đất và các trường hợp khác có liên quan là đúng pháp luật.

Đối với quyết định sửa đổi quyết định hành chính bị khởi kiện.

Ngày 04/11/2022, Chủ tịch UBND thành phố N ban hành Quyết định số 5054/QĐ-UBND về việc sửa đổi một phần nội dung Quyết định số 789 (sau đây viết tắt là Quyết định số 5054). Tòa án cấp sơ thẩm xem xét quyết định hành chính có liên quan đến quyết định hành chính bị khởi kiện là có căn cứ.

Ngày 13/12/2021, một số công dân phố B uỷ quyền cho ông Chu Linh Q khiếu nại Công văn số 1928 của UBND thành phố N. Trong Giấy uỷ quyền khiếu nại chỉ thể hiện có 19 người uỷ quyền khiếu nại cho ông Q, không phải 20 người.

Về mặt hình thức Quyết định số 789 và Quyết định số 5054 đều giống nhau là do Chủ tịch UBND thành phố N ban hành là đúng thẩm quyền. Chủ tịch UBND thành phố N đã sửa đổi một phần Quyết định số 789 là đúng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 13 của Luật Khiếu nại năm 2011.

Nội dung của Quyết định số 5054 sửa đổi một phần nội dung của Quyết định số 789 như: sửa đổi cụm từ "...là người đại diện theo uỷ quyền cho 20 công dân

phố B, phường N, thành phố N” thành “...là người đại diện theo uỷ quyền cho 19 công dân phố B, phường N, thành phố N”, các nội dung khác giữ nguyên là chính xác và đúng pháp luật nên không cần thiết phải hủy Quyết định số 789, cần rút kinh nghiệm Chủ tịch UBND thành phố N khi ban hành Quyết định số 789.

Quyết định số 789 của Chủ tịch UBND thành phố N và Quyết định số 796 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình đã xác định không có cơ sở để xem xét giải quyết việc khiếu nại của các đương sự đề nghị cấp GCNQSDĐ (không thu tiền sử dụng đất) đối với phần diện tích đất lưu không Quốc lộ 1A (đất thuộc hành lang an toàn Quốc lộ 1A) còn lại sau khi thực hiện Dự án theo Thông báo số 605 của Ban Chỉ đạo GPMB thành phố N và Thông báo số 88 của UBND thành phố N là đúng pháp luật.

Đối với Công văn số 1928 có liên quan đến quyết định hành chính bị kiện:

Căn cứ khoản 3 Điều 28, khoản 1 Điều 56 của Luật Tổ chức chính quyền nhân dân, UBND thành phố N là cơ quan quản lý đất đai ở địa phương, có thẩm quyền ban hành văn bản để thực hiện việc quản lý đất đai trên địa bàn thành phố N. Do đó, UBND thành phố N ban hành Công văn số 1928 là đúng thẩm quyền.

Về nội dung của Công văn số 1928 thể hiện không có căn cứ để chấp nhận bồi thường khối lượng vật liệu bồi trức, san lấp trên phần diện tích đất lưu không Quốc lộ 1A thuộc Dự án và không chấp nhận đề nghị cấp GCNQSDĐ (không thu tiền sử dụng đất) cho các hộ dân phần diện tích đất lưu không đường Quốc lộ 1A còn lại. Do đó, UBND thành phố N ban hành Công văn số 1928 là đúng pháp luật.

Công văn số 1928 của UBND thành phố N và Quyết định số 789 có liên quan đến việc trả lời nội dung đề nghị của ông Hoàng Anh Quý, đồng thời là người đại diện cho một số hộ dân phố Bình Hoà, phường N, thành phố N. Tuy nhiên, những vấn đề có liên quan đến ông Hoàng Anh Quý và 10 hộ dân phố Bình Hoà được xem xét, giải quyết trong vụ án hành chính khác nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết trong vụ án này là đúng.

[5] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết vụ án hành chính theo đơn khởi kiện của ông Chu Linh Q là đúng thẩm quyền, đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính, không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đã xem xét, đánh giá toàn diện các yêu cầu khởi kiện và quyết định hành chính có liên quan, đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Chu Linh Q là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, người khởi kiện không có chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án nên không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Về án phí phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của ông Chu Linh Q không được chấp nhận nên ông Q phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông Q đã nộp.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính; Khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Chu Linh Q và giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 06/2023/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Chu Linh Q phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00000004 ngày 26/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 11/4/2024.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Cục THADS tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Quang Dũng

